



# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

<b>Thông tin quan trọng</b>	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***	
<b>Mã định danh sản phẩm</b>	CP802Series	
<b>Các hình thức nhận dạng khác</b>		
<b>Từ Đồng Nghĩa</b>	STF - Shipping Test Fluid	
<b>Công dụng đề nghị</b>	In phun	
<b>Các giới hạn đề nghị</b>	Chưa được biết.	
<b>Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối</b>	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon), Việt Nam	
<b>Điện Thoại</b>	+84437245550	
<b>HP Inc. health effect line</b>		
(Toll-free within US)	1-800-457-4209	
(Direct)	1-760-710-0048	
<b>HP Inc. Customer Care Line</b>		
(Toll-free within the US)	1-800-474-6836	
(Direct)	1-208-323-2551	
<b>Email:</b>	hpcustomer.inquiries@hp.com	

## 2. Nhận diện các hiểm họa

<b>Hiểm Họa Vật Lý</b>	Không được phân loại.	
<b>Hiểm Họa Cho Sức Khỏe</b>	Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2A
<b>Các hiểm họa cho môi trường</b>	Không được phân loại.	
<b>Các thành phần của nhãn</b>		



<b>Từ cảnh báo</b>	Cảnh báo	
<b>Công bố hiểm họa</b>	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.	
<b>Thông điệp đề phòng</b>		
<b>Phòng Ngừa</b>	Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt. Rửa tay thật sạch sau khi xử lý.	
<b>Ứng phó</b>	NẾU VÀO MẮT: Rửa thật sạch bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Nếu vẫn còn kích ứng da: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.	
<b>Bảo Quản</b>	Không có.	
<b>Thải bỏ</b>	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.	
<b>Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại</b>	Các đường phơi nhiễm tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt, nuốt vào và hít vào.	
<b>GHS Supplemental information</b>	Không có.	

## 3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

### Các hỗn hợp

<b>Thành phần nguy hại</b>			
<b>Tên Hóa Chất</b>	<b>Tên thông dụng và từ đồng nghĩa</b>	<b>Số CAS</b>	<b>%</b>
Propylene glycol phenyl ether		770-35-4	<70
<b>Các thành phần không nguy hiểm</b>			
<b>Tên Hóa Chất</b>	<b>Tên thông dụng và từ đồng nghĩa</b>	<b>Số CAS</b>	<b>%</b>
Polyetylen glycol		25322-68-3	<40

#### 4. Các biện pháp sơ cứu

<b>Hít phải</b>	Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Ăn phải</b>	Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn.
<b>Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện</b>	Không có.

#### 5. Các biện pháp cứu hỏa

<b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>	CO2, nước, hóa chất khô hoặc bột
<b>Chất chữa cháy không phù hợp</b>	Không có.
<b>Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b>	Chưa được biết.
<b>Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy</b>	Không có.

#### 6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

<b>Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp</b>	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
<b>Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch</b>	Không có.
<b>Các biện pháp đề phòng cho môi trường</b>	Xem mục 13 Lưu ý về thải bỏ. Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

#### 7. Thao tác và bảo quản

<b>Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn</b>	Tránh hít hơi hoặc sương của sản phẩm này. Tránh xa nơi có nhiệt quá cao, tia lửa hoặc ngọn lửa trần.
<b>Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ</b>	Đóng kín và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Chỉ giữ trong dụng cụ đựng ban đầu. Bảo vệ tránh ánh nắng. Để cách xa các chất ôxi hóa.

#### 8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

<b>Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp</b>	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
<b>Các giá trị giới hạn sinh học</b>	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
<b>Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp</b>	Không có.
<b>Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân</b>	
<b>Biện pháp bảo vệ mắt/mặt</b>	Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe). Nên có đi kèm rửa mắt và các phòng tắm khăn cấp.
<b>Bảo vệ da</b>	
<b>Bảo vệ tay</b>	Không có.
<b>Khác</b>	Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp. Mang bao tay chống hóa chất thích hợp.
<b>Bảo vệ đường hô hấp</b>	Thực hiện thông khí đầy đủ. Trong trường hợp không có đủ hệ thống thông khí, đeo thiết bị thở thích hợp.
<b>Các hiểm họa nhiệt</b>	Không có.

**Các lưu ý vệ sinh chung**

Không để vật liệu này tiếp xúc với da. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.  
 Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.  
 Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại.

**9. Tính chất lý hóa****Ngoại Quan**

<b>Trạng thái vật lý</b>	Không có.
<b>Dạng</b>	Chất lỏng.
<b>Màu</b>	Không Màu.
<b>Mùi</b>	Đặc điểm.
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có.
<b>pH</b>	5.8 - 6.2 Máy đo pH Metler Toledo. Nhiệt độ 25°C
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	Không có.
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	Không có.
<b>Nhiệt Độ Bốc Cháy</b>	> 110.0 °C (> 230.0 °F) Cốc Kín EPA Phương pháp 1020
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Không có.
<b>Khả năng cháy (rắn, khí)</b>	Không có.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
<b>Giới hạn cháy - dưới (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn cháy - trên (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn nổ – dưới (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn nổ – trên (%)</b>	Không có.
<b>Áp suất hơi</b>	Không có.
<b>Tỷ khối hơi</b>	Không có.
<b>(Các) độ tan</b>	
<b>Tính tan (nước)</b>	Không có.
<b>Hệ số phân tách (n-octanol/nước)</b>	Không có.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	Không có.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	Không có.
<b>Độ nhớt</b>	12.5 - 13.5 cP Cone and Plate Rheometer, Temperature 50°C. C60/1° Sensor . Values recorded at 4000 1/s
<b>Thông tin khác</b>	
<b>Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi</b>	1070 g/l Được tính

**10. Độ bền và khả năng phản ứng**

<b>Khả năng phản ứng</b>	Không có.
<b>Độ bền hóa học</b>	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
<b>Khả năng gây phản ứng nguy hiểm</b>	Sẽ không xảy ra.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất ô xy hóa.
<b>Các vật liệu tương kỵ</b>	Không có.
<b>Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm</b>	Monoxit cacbon và dioxit cacbon. Có thể hình thành ô xi già gây nổ.

**11. Thông tin về độc tính****Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra**

<b>Hít phải</b>	Việc hít vào có thể gây kích ứng nhẹ cho hệ hô hấp.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Tiếp xúc với da có thể dẫn đến kích ứng nhẹ.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
<b>Ăn phải</b>	Việc nuốt vào bụng không phải là đường phơi nhiễm có thể.
<b>Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.</b>	Không có.

**Thông tin về các tác dụng độc**

<b>Độc tính cấp tính</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Ăn mòn/kích ứng da</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da</b>	
<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Gây mẫn cảm da</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Khả năng gây đột biến tế bào mầm</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Khả năng gây ung thư</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Độc tính sinh sản</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Hiểm họa hít phải</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.
<b>Thông tin khác</b>	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

## 12. Thông tin về sinh thái

<b>Độc tố thủy sinh</b>	Không có.
<b>Độc tính sinh thái</b>	Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
<b>Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy</b>	Không có.
<b>Khả năng tích tụ sinh học</b>	Không có.
<b>Di chuyển trong đất</b>	Không có.
<b>Các tác dụng có hại khác</b>	Không có.

## 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

<b>Các Hướng Dẫn Thải Bỏ</b>	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
<b>Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng</b>	Không có.
<b>Bao bì bị ô nhiễm</b>	Không có.

## 14. Thông tin về việc vận chuyển

<b>Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT )</b>	
<b>Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)</b>	Không có.
<b>Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)</b>	Không Được Quy Định
<b>(các) nhóm hiểm họa vận chuyển</b>	
<b>Nhóm</b>	Không có.
<b>Nguy cơ phụ</b>	-
<b>Nhóm Đóng Gói</b>	Không có.
<b>Các hiểm họa cho môi trường</b>	
<b>Chất Ô Nhiễm Biền</b>	Không
<b>Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng</b>	Không có.
<b>IATA</b>	
<b>UN number</b>	Not available.
<b>UN proper shipping name</b>	Not Regulated
<b>Transport hazard class(es)</b>	
<b>Class</b>	Not available.
<b>Subsidiary risk</b>	-
<b>Packing group</b>	Not available.
<b>Environmental hazards</b>	No
<b>Special precautions for user</b>	Not available.



## 16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

<b>Ngày Ban Hành</b>	18-Tháng-Bảy-2017
<b>Ngày sửa đổi</b>	11-Tháng-Ba-2020
<b>Phiên bản số</b>	03
<b>Khước Từ Trách Nhiệm</b>	<p>Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.</p> <p>Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.</p>
<b>Thông tin về sửa đổi</b>	<p>Nhận dạng: Thông tin quan trọng Nhận diện các hiểm họa: Thái bỏ Nhận diện các hiểm họa: Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại 3. Composition / Information on Ingredients: Disclosure Overrides Thành phần/ thông tin về các phụ liệu: Nhận xét cấu tạo Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân: Các lưu ý vệ sinh chung Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân: Biện pháp bảo vệ mắt/mặt Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân: Bảo vệ tay Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân: Bảo vệ đường hô hấp Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân: Khác Tính Chất Lý &amp; Hóa: Đa Tính Chất Dữ Liệu Quy Định Về Hiểm Họa: Châu Âu - EU</p>

## Explanation of abbreviations

<b>Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)</b>	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
<b>CAS</b>	Chemical Abstracts Service
<b>Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)</b>	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
<b>CFR</b>	Bộ luật các quy định của liên bang
<b>COC</b>	Cốc Hồ Cleveland
<b>Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)</b>	Department of Transportation
<b>EPCRA</b>	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
<b>Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)</b>	International Agency for Research on Cancer
<b>NIOSH</b>	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
<b>Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)</b>	National Toxicology Program
<b>Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)</b>	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
<b>PEL</b>	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
<b>RCRA</b>	Resource Conservation and Recovery Act
<b>REC</b>	Recommended
<b>REL</b>	Recommended Exposure Limit
<b>SARA</b>	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
<b>STEL</b>	Short-Term Exposure Limit
<b>Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)</b>	Quy trình lọc tính chất độc tính
<b>TLV</b>	Giá trị giới hạn ngưỡng
<b>Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)</b>	Toxic Substances Control Act
<b>Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi</b>	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi